

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/DS-ST
Ngày 22 – 4– 2024
“V/v tranh chấp về hợp đồng
tín dụng.”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và ông Phạm Đức Hoài

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S

Trụ sở tại: Số A, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo quy định của pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quang V. Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Châu Thành.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Anh Trần Chí T. Chức vụ: Phó PGD Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Theo văn bản ủy quyền số 238/GUQ-CNKG ngày 01/8/2023)

Địa chỉ chi nhánh: Số A, khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. **Bị đơn:** Chị Phan Thị Hồng Đ, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp T, xã T Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày yêu cầu như sau:

Vào ngày 14/8/2019 Ngân hàng TMCP S (S) có ký với chị Phan Thị Hồng Đ Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1922600400, số tiền vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi 10.8%/ năm, thời hạn vay 60 tháng, trả nợ ngày cuối là 14/8/2024, hình thức vay tín chấp. Chị Đ đã trả nợ gốc là 73.304.000đ và lãi là 39.600.000đ, tổng cộng là 112.904.000 đồng.

Ngày 15/8/2019 Ngân hàng TMCP S có ký với chị Phan Thị Hồng Đ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1330304. Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ thì chị Đ giao dịch từ ngày 22/8/2019 đến ngày 14/8/2023 là dư nợ số tiền 11.747.073 đồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phan Thị Hồng Đ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 22/04/2024 là:

- Nợ vay tín dụng: Nợ gốc là 26.696.000đ, lãi trong hạn là 9.000.000đ, lãi quá hạn là 2.209.214đ, tổng cộng là 37.905.214đ (Ba mươi bảy triệu, chín trăm lẻ năm nghìn, hai trăm mười bốn đồng).

- Nợ thẻ tín dụng: Nợ gốc là 12.041.800đ, lãi quá hạn 4.063.576đ, tổng cộng là 16.105.376đ (Mười sáu triệu, một trăm lẻ năm nghìn, ba trăm bảy mươi sáu đồng)

Và đồng thời tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký, tính từ ngày 22/04/2024 cho đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng, trường hợp chị Đ không trả thì đề nghị phát mãi tài sản bà Đ sở hữu để thu hồi nợ hoặc chị Đ buộc rút tiền bảo hiểm xã hội để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn chị Phan Thị Hồng Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời đến Tòa án tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Ngân hàng TMCP S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Chị Phan Thị Hồng Đ vắng mặt nên không có ý kiến yêu cầu gì.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S yêu cầu: Chị Phan Thị Hồng Đ có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ hai hợp đồng tín dụng được lập ngày 14/8/2019 và ngày 15/8/2019 với tổng số tiền là 54.010.590đ, đồng thời trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong hết số nợ nói trên là có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Xét hai hợp đồng được giao kết giữa Ngân hàng TMCP S với chị Phan Thị Hồng Đ đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng chị Đ không thực hiện nghĩa vụ thỏa thuận đã vi phạm hợp đồng, do đó việc Ngân hàng TMCP S yêu cầu chị Đ trả toàn bộ số nợ 54.010.590đ, đồng thời trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong hết số nợ nói trên là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu chị Đ trả số tiền vay tín dụng còn nợ nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Đ đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng LD1922600400 ngày 14/8/2019 được ký kết trên tinh thần tự nguyện, được lập thành văn bản, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên là hợp đồng

hợp pháp. Kể từ thời điểm hợp đồng được xác lập các bên có trách nhiệm thực hiện những nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, nhận thấy:

Vào ngày 14/8/2019 Ngân hàng TMCP S đã thực hiện giải ngân cho chị Phan Thị Hồng Đ vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi 10.8%, thời hạn vay 60 tháng, trả nợ ngày cuối là 14/8/2024, hình thức vay tín chấp, việc giải ngân được thể hiện cùng trong hợp đồng tín dụng có chữ ký xác nhận của chị Đ. Chị Đ đã trả được số tiền nợ gốc là 73.304.000đ và lãi là 39.600.000đ, tổng cộng là 112.904.000 đồng, tính đến ngày 22/4/2024 thì chị Đ còn nợ lại nợ gốc là 26.696.000đ, lãi trong hạn là 9.000.000đ, lãi quá hạn là 2.209.214đ, tổng cộng là 37.905.214đ (Ba mươi bảy triệu chín trăm lẻ năm nghìn hai trăm mười bốn đồng).

Ngày 15/8/2019 Ngân hàng TMCP S có ký với chị Phan Thị Hồng Đ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 1330304. Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, hình thức vay tín chấp. Sau khi được cấp thẻ thì chị Đ giao dịch từ ngày 22/8/2019 đến ngày 14/8/2023 có dư nợ số tiền 12.041.800đ đồng, sau đó chị Đ không trả gốc và lãi nữa. Nay tính đến ngày 22/4/2024 thì chị Đ còn nợ lại Ngân hàng số tiền: Nợ gốc 12.041.800đ, lãi quá hạn 4.063.576đ, tổng cộng là 16.105.376đ (Mười sáu triệu một trăm lẻ năm nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng).

Như vậy tổng số nợ của hai hợp đồng mà chị Đ phải trả cho Ngân hàng là **54.010.590đ** (Năm mươi bốn triệu, không trăm mười nghìn, năm trăm chín mươi đồng).

Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có căn cứ và cần buộc chị Phan Thị Hồng Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 22/4/2024 là: **54.010.590đ** (Năm mươi bốn triệu, không trăm mười nghìn, năm trăm chín mươi đồng) cụ thể:

Đối với hợp đồng tín dụng LD1922600400 ngày 14/8/2019 chị Đ phải thanh toán Nợ gốc là 26.696.000đ, lãi trong hạn là 9.000.000đ, lãi quá hạn là 2.209.214đ, tổng cộng là 37.905.214đ (Ba mươi bảy triệu, chín trăm lẻ năm nghìn, hai trăm mười bốn đồng).

Đối với hợp đồng tín dụng số 1330304 chị Đ phải thanh toán nợ gốc 12.041.800đ, lãi quá hạn 4.063.576đ, tổng cộng là 16.105.376đ (Mười sáu triệu một trăm lẻ năm nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng) đồng thời tiếp tục phải trả lãi

theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng 1330304 ngày 15/8/2019 cho đến khi trả hết nợ.

[5] Về án phí của vụ án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 227, Điều 244 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 280, Điều 323, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Các điều 90, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7 và Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của TMCP S.

Buộc chị Phan Thị Hồng Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 22/4/2024 là: **54.010.590đ** (Năm mươi bốn triệu không trăm mười nghìn năm trăm chín mươi đồng) cụ thể:

Đối với hợp đồng tín dụng LD1922600400 ngày 14/8/2019 chị Phan Thị Hồng Đ phải thanh toán nợ gốc là 26.696.000đ, lãi trong hạn là 9.000.000đ, lãi quá hạn là 2.209.214đ, tổng cộng là 37.905.214đ (Ba mươi bảy triệu chín trăm lẻ năm nghìn hai trăm mười bốn đồng), đồng thời tiếp tục phải trả lãi phát sinh từ ngày 23/4/2024 theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng LD1922600400 ngày 14/8/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Đối với cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số 1330304 ngày 15/8/20219 chị Phan Thị Hồng Đ phải thanh toán nợ gốc là 12.041.800đ, lãi quá hạn 4.063.576đ, tổng cộng là 16.105.376đ (Mười sáu triệu một trăm lẻ năm nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng) đồng thời tiếp tục phải trả lãi phát sinh từ ngày

23/4/2024 theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng số 1330304 ngày 15/8/2019 cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc chị Phan Thị Hồng Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 54.010.590đ x 5% = 2.700.529đ, làm tròn thành 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.388.000đ (Một triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008987 ngày 03/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/4/2024). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm